TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định tái thẩm
Số: 70/2024/DS-TT
Ngày 21-9-2024
Về "Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng và ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Nguyễn Thanh Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự: *"Tranh chấp di sản thừa kế"* giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Phạm Thị K**; trú tại: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* ông **Nguyễn Hải Đ**, ông **Nguyễn Hải H**; cùng trú tại: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị L**; trú tại: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Thanh L1**.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1:

Bà Nguyễn Thị L; trú tại: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Vợ chồng bà **Nguyễn Thị N** và ông **Nguyễn H1**; cùng trú tại: tổ B Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày:

Vợ chồng bà có 05 người con là: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thanh L1, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hải H. Chồng bà là ông Nguyễn T chết năm 1984 không để lại di chúc. Số tài sản vợ chồng bà tạo lập được gồm: một ngôi nhà trên và nhà dưới trên diện tích đất vườn là 2.525 m^2, vị trí: Đông giáp đất ông Trần T1, Tây giáp đường lối, Nam giáp tiểu lộ, Bắc giáp đất ông S. Trong vườn có 06 cây xoài, ngoài ra còn có một số bụi chuối do Nguyễn Hải Đ trồng. Trong nhà còn một số vật dụng do vợ chồng bà sắm được gồm: 01 tủ thờ, 01 bàn chữ nhật, 01 bộ ván ngựa, 01 tủ gỗ hương. Ngoài ra vợ chồng bà còn có một mảnh vườn diện tích 1.675 m^2, vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn N1, Nam giáp đất ông Phạm S1, Đông giáp đường lối, Tây giáp đất ông Nguyễn Sẻ . Trong vườn còn có 03 cây xoài vợ chồng bà trồng từ trước. Vợ chồng Nguyễn Thị N có cất 01 ngôi nhà xây, lợp tôn. Nguyễn Hải H có trồng 05 cây chanh, 08 cây bưởi, 01 cây quýt, 01 cây cam.

Bị đơn, ông Nguyễn Hải Đ và ông Nguyễn Hải H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N:

Các ông, bà xác nhận lời khai của bà K về con chung của vợ chồng ông T, bà K là đúng. Riêng ngôi nhà xây lợp mái tôn ông Đ, ông H xác định là nhà của cha mẹ, không phải là nhà của vợ chồng bà N. Ông Đ, ông H có xuất trình "Biên bản họp gia đình" về sự thuận nhân tài sản không có chữ ký của bà N và bà L1, theo đó mẹ của các ông (bà K) yêu cầu chia tài sản như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Hải Đ ngôi nhà xây mái tôn cùng một số vật dụng trong nhà và toàn thể phần kiến trúc gắn liền và phần đất phía Đông diện tích 1.285m^2.

- Giao cho ông Nguyễn Hải H phần đất vườn phía Tây có diện tích 1.239m^2 giáp với phần đất giao cho ông Đ.

- Phần còn lại có diện tích 1.639,25 m^2 giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Thanh L1. Trong đó, bà L nhận sẽ nhận toàn bộ hiện vật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 1995, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh quyết định:

1) Giao cho ông Nguyễn Hải Đ sở hữu 1 ngôi nhà cùng 1 sân gạch, giếng nước, hồ nước tọa lạc trên diện tích đất là 1.286 m^2 có vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn S2, Nam giáp tiểu lộ, Đông giáp đất ông Trần T1, Tây giáp phần đất còn lại (sẽ giao cho ông H) cùng một số vật dụng gồm: 1 tủ thờ, 1 bàn chữ nhật, 1 bộ ván ngựa, 1 tủ gỗ hương (toàn bộ tài sản này ông Đ đang quản lý).

2) Giao cho ông Nguyễn Hải H sở hữu, sử dụng mảnh vườn gồm 6 cây xoài, 80 bụi chuối, diện tích 1.239 m^2 có vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn S2, Nam giáp tiểu lộ, Đông gíp nhà, đất giao cho ông Đ, Tây giáp đường hẻm.

3) Giao cho bà Nguyễn Thị L sở hữu, sử dụng mảnh vườn gồm 3 cây xoài, 1

cây cam, 1 cây quýt, 8 cây bưởi, 5 cây chanh, diện tích 1.675 m^2, có vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn N1, Nam giáp đất ông Phạm S1, Đông giáp đường lớn, Tây giáp đất ông Nguyễn Sẻ . Bà L phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Thanh L1 mỗi người 1.979.966 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/1995, ông Nguyễn Hải H có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án sơ thẩm đánh giá giá trị tài sản (cây trái) thiếu chính xác, khách quan. Việc phân chia tài sản bất hợp lý (chủ yếu là đất - vườn) vì theo Nghị định 64/CP thì hợp tác xã căn cứ vào việc mẹ là Phạm Thị K chia nhà đất cho Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Hải H (biên bản họp gia đình năm 1989) nên đã quyết định cấp đất vườn cho Đ là 2.424 m^2, cho H là 1.605 m^2, còn Nguyễn Thị L do khai không có nhà đất nên Hợp tác xã cấp cho hộ Nguyễn Thị L đủ diện tích đất màu và ruộng mà không cấp cho hộ Đ và H đất khác với lý do đã có đủ đất vườn. Nay Tòa sơ thẩm xử lấy đất đã cấp cho H giao cho L và lấy đất đã cấp cho Đ giao cho H là chưa thỏa đáng. Yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết chia di sản của cha mẹ để lại là nhà và tài sản trong nhà, còn đất nhà nước đã cấp cho anh em chúng tôi thì để cho chúng tôi làm ăn nuôi con.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 37/PT-DS ngày 25/5/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Tuyên xử: sửa một phần án sơ thẩm số 41/DS-ST ngày 17/11/1995 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh.

Chấp nhận yêu cầu và sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phạm Thị K chia di sản của cụ T (chồng bà) và phần tài sản của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng chia cho các con, cụ thể:

1) Giao cho ông Nguyễn Hải Đ sở hữu, sử dụng một ngôi nhà cùng các tài sản khác gồm: sân gạch, giếng nước, hồ nước tọa lạc trên diện tích đất là 1.286 m^2 có vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn S2, Nam giáp tiểu lộ, Đông giáp đất ông Trần T1, Tây giáp phần đất còn lại (giao cho ông H sử dụng)có sơ đồ kèm theo. Ngoài ra, ông Nguyễn Hải Đ còn được sở hữu một số vật dụng gồm: 1 tủ thờ, 1 bàn chữ nhật, 1 bộ ván ngựa, 1 tủ gỗ hương (toàn bộ tài sản này ông Đ đang quản lý).

2) Giao cho ông Nguyễn Hải H sở hữu, sử dụng mảnh vườn gồm 6 cây xoài, 80 bụi chuối trên diện tích 1.239 m^2 có vị trí: Bắc giáp đất ông Nguyễn S2, Nam giáp tiểu lộ, Đông gíp nhà, đất giao cho ông Đ, Tây giáp đường hẻm, có sơ đồ kèm theo.

3) Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thanh L1, Nguyễn Thị L đồng ý như cách chia của bà K giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu, sử dụng toàn bộ cây ăn quả trên lô đất vườn 1.675 m^2 và không yêu cầu ông Đ, ông H thanh toán tiền chênh lệch.

4) Giao cho bà Nguyễn Thị L sở hữu, sử dụng mảnh vườn gồm 3 cây xoài, 1 cây cam, 1 cây quýt, 8 cây bưởi, 5 cây chanh trên diện tích đất 1.675m^2, có vị trí:

Bắc giáp đất ông Nguyễn N1, Nam giáp đất ông Phạm S1, Đông giáp đường lớn, Tây giáp đất ông Nguyễn S2 (có sơ đồ kèm theo).

5) Bà Nguyễn Thị L phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Thanh L1 mỗi người 1.729.966 đồng.

6) Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hải Đ không yêu cầu ông Nguyễn Hải H phải thanh toán 80 bụi chuối, trị giá thành tiền là 1.200.000 đồng.

7) Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán tiền trị giá số cây ăn quả mà ông Nguyễn Hải H trồng trên diện tích 1.675 m^2 đất giao cho bà L sở hữu, sử dụng là 750.000 đồng.

8) Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hải H. Ông H được quyền thu hoạch số bụi chuối do ông H trồng trên diện tích giao cho bà L trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (ngày 25/5/1996). Hết thời hạn trên bà L được quyền sở hữu số chuối do ông H trồng trên diện tích đất được giao cho bà L sử dụng."

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án; án phí dân sự có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 27/2024/KN-DS-TT ngày 21/8/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục tái thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại "Đơn xin xác nhận" về việc chấp hành án tại Trại giam tỉnh ĐăkLăk của bà Nguyễn Thị Thanh L1 do bà Vũ Thị A (là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Thanh L1) cung cấp cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện D vào ngày 16/8/2023 thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị Thanh L1 có đơn xin xác nhận về khoảng thời gian bà L1 chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Đ với tội danh "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân", thời gian chấp hành án phạt tù từ tháng 3/1995 đến tháng 3/1999.

Tại phần xác nhận của Trại tạm giam Công an tỉnh Đ thể hiện nội dung: *"Qua sổ theo dõi người bị kết án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật năm 1999 (V26). Tại số thứ tự 01 có ghi họ và tên như sau: Nguyễn Thị Thanh L1; sinh năm: 1959; quê quán: Khánh Hòa; HKTT: CưMgar - Đ; tội danh: 158; bắt ngày: 25/3/1995; an phạt: 05 năm, theo Bản án số 303/HSPT ngày 08/6/1996 của Tòa*

án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; ngày chấp hành xong án phạt tù: 25/3/199, được giám án 02 lần = 12 tháng".

Dưới phần xác nhận có chữ ký của Phó Giám thị là Thượng tá Dương Tấn B và đóng dấu đỏ của Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Do đó, có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị Thanh L1 chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ từ ngày 25/3/1995 đến ngày 25/3/1999 nên không thể ký Giấy ủy quyền ngày 26/5/1995 cho bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng trong vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế", giấy ủy quyền này được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D xác nhận ngày 20/6/1995 và Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa chứng thực ngày 21/6/1995.

[2]. Di sản do cụ T để lại trị giá thành tiền là 50.640.800 đồng. Phần của bà K trong khối tài sản chung là 50.640.800 đồng : 2 = 25.320.400 đồng. Một nửa còn lại nếu chia theo pháp luật thì bà K, bà L, bà N, bà L1, ông Đ, ông H mỗi người được nhận giá trị là 25.320.400 đồng : 6 = 4.220.066 đồng. Như vậy, bà K được hưởng tổng giá trị là 25.320.400 đồng + 4.220.066 đồng = 29.540.466 đồng. Trong khi đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà K về việc chia di sản của cụ T như sau: Ông Đ được hưởng tài sản trị giá 39.576.200 đồng, ông H được hưởng tài sản trị giá 5.784.300 đồng, bà L được hưởng tài sản trị giá 5.189.900 đồng. Bà L được nhận hiện vật và thối lại cho bà N, bà L1 mỗi người 1.729.966 đồng. Có thể thấy bà K đã chia di sản của cụ T vượt quá phạm vi quyền của mình (bà K chỉ có quyền định đoạt phần tài sản trị giá thành tiền là 29.540.466 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và ông H có xuất trình "Biên bản họp gia đình" về sự thuận phân tài sản mà không có chữ ký của bà N và bà L1, mà nội dung thuận phân tài sản này là cơ sở để bà K chia di sản của cụ T.

[3]. Như đã phân tích, có căn cứ xác định bà L1 không ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng vì thời gian này bà L1 đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ nên bà L1 không thể hiện được ý chí của mình trong cách chia của bà K. Tại Biên bản họp gia đình về thuận phân tài sản cũng không có chữ ký của bà L1. Do đó, Tòa án chấp nhận cách chia của bà K đối với di sản của cụ T là không đúng quy định pháp luật. Lẽ ra, mỗi đồng thừa kế trong đó có bà L1 phải được hưởng 4.220.066 đồng nhưng thực tế bà L1 chỉ được bà L thối lại 1.729.966 đồng là bị ảnh hưởng nghiêm trọng về quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4]. Bà Nguyễn Thị N cho rằng thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế" thì bà Nguyễn Thị Thanh L1 đang phải chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ nên không thể ủy quyền cho bà L; bà L đã tự ý tạo lập và giả mạo Giấy ủy quyền ngày 26/5/1995 nhằm chiếm đoạt khối di sản thừa kế do cha mẹ để lại. Do đó, bà N đề nghị kháng nghị tái thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm để xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật. Xét thấy nội dung đề nghị của bà Nguyễn Thị N giống với nội

dung kiến nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, nên được chấp nhận.

[5]. Như vậy, "Đơn xin xác nhận" về việc chấp hành án tại Trại giam tỉnh Đ của bà Nguyễn Thị Thanh L1 là tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế" giữa nguyên đơn bà Phạm Thị K với bị đơn ông Nguyễn Hải Đ và ông Nguyễn Hải H mà Tòa án, cũng như đương sự không biết được khi giải quyết vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 356 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 27/2024/KN-DS-TT ngày 21/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 37/PT-DS ngày 25/5/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án dân sự sơ thẩm số 41 DS/ST ngày 17/11/1995 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

4. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GĐKT II; Phòng LT và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Cường